

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HAPACO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/CV-HAP
"V/v giải trình trước và sau soát xét
BCTC bán niên 2016"

Hải Phòng, ngày 08 tháng 09 năm 2016

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. Về vấn đề này, Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO giải trình chênh lệch trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán niên 2016 trước và sau soát xét của Công ty trong bản giải trình chi tiết đính kèm.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO



CHỦ TỊCH HĐQT

Từ Dương Hiền



BẢN GIẢI TRÌNH CHI TIẾT KÈM CÔNG VĂN SỐ 70 /CV-HAP

1. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận trước và sau soát xét trên Báo cáo tài chính riêng bán niên 2016 của Công ty mẹ:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu lũy kế 6 tháng năm 2016 trước soát xét	Số liệu sau soát xét BCTC bán niên	Chênh lệch	Nguyên nhân chính
(A)	(B)	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)	(C)
1	Chi phí tài chính	4.603.948.596	7.732.597.226	3.128.648.630	Điều chỉnh dự phòng các khoản đầu tư
2	Thu nhập khác	17.824.022.280	15.662.539.478	-2.161.482.802	Điều chỉnh thu nhập từ các khoản nợ không phải trả
3	Chi phí khác	1.735.910.130	235.910.130	-1.500.000.000	Điều chỉnh chi phí chưa đến kỳ
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.211.403.202	6.421.271.770	3.790.131.432	Điều chỉnh các chỉ tiêu trên

2. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận trước và sau soát xét trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2016 của Công ty:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu lũy kế 6 tháng năm 2016 trước soát xét	Số liệu sau soát xét BCTC bán niên	Chênh lệch	Nguyên nhân chính
(A)	(B)	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)	(C)
1	Doanh thu hoạt động tài chính	3.964.529.339	3.551.436.056	-413.093.283	Điều chỉnh dự thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và chênh lệch tỷ giá cuối kỳ
2	Chi phí tài chính	15.355.919.372	17.481.737.824	2.125.818.452	Điều chỉnh dự phòng các khoản đầu tư
3	Thu nhập khác	18.172.863.180	15.662.539.478	-2.510.323.702	Điều chỉnh thu nhập từ các khoản nợ không phải trả
4	Chi phí khác	2.430.061.548	1.438.937.548	-991.124.000	Điều chỉnh chi phí chưa đến kỳ
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.188.798.687	15.920.432.666	-4.268.366.021	Điều chỉnh các chỉ tiêu trên